

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2025
"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng
- Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng
Ông Nguyễn Thái Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2025/ TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Mạnh T; Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Thái Thị Phương L; Sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: K, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện lao động tại Công hòa Liên bang Đ); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, anh Lê Mạnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thái Thị Phương L kết hôn ngày 25/01/2011, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, lối sống và suy nghĩ khác xa nhau. Mặt khác do khoảng cách địa lý mỗi người một nơi nên thường xuyên nghi ngờ, thiếu sự tin tưởng quan tâm nhau nên thường

xảy ra xích mích, cãi vã nhau. Nay xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Thái Thị Phương L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Thái B, sinh ngày 18/9/2012, hiện đang sống cùng chị L tại CHLB Đ. Nay ly hôn vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Mạnh T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Anh Lê Mạnh T trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Thái Thị Phương L tại CHLB Đ, anh đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ cụ thể của chị L qua bà Nguyễn Thị U, trú tại số D đường Q, tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, Hà Tĩnh – là mẹ đẻ chị L.

Bị đơn chị Thái Thị Phương L hiện đang làm việc tại nước CHLB Đ. Toà án đã tiến hành xác minh tại mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị U, trú tại số D đường Q, tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, Hà Tĩnh nhưng gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L; gia đình gọi điện qua mạng xã hội đề Tòa án lấy ý kiến của chị L, nội dung: Chị và anh Lê Mạnh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/02/2011 tại UBND phường Đ, thị xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung: có 01 con chung là Thái B, sinh ngày 18/9/2012, chị có nguyện vọng nuôi con sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị lao động tự do nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Chị hiện đang lao động tại nước ngoài không thể về Việt Nam giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị U nhận thay.

Bà Nguyễn Thị U đồng ý nhận ủy quyền của chị L về việc giao nhận các tài liệu chứng cứ, cam kết nhận trách nhiệm giao lại cho chị L.

Cháu Thái B, sinh ngày 18/9/2012 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: Anh [Lê Mạnh T](#) được ly hôn chị [Thái Thị Phương L](#).

- Về con chung: Giao cháu [Thái B](#), sinh ngày 18/9/2012 cho chị [Thái Thị Phương L](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh [Lê Mạnh T](#) được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh [Lê Mạnh T](#) phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh [Lê Mạnh T](#) khởi kiện xin ly hôn chị [Thái Thị Phương L](#), Nơi ĐKKTT trước khi xuất cảnh: [K, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh](#), chị [L](#) đang sống và làm việc tại nước CHLB Đ. Theo công văn số 104/QLXNC- Đ1 ngày 07/02/2025 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H](#) thì chị [Thái Thị Phương L](#) đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 29/8/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tại thời điểm anh [Lê Mạnh T](#) khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án, chị [Thái Thị Phương L](#) đang lao động ở CHLB Đức nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị [Thái Thị Phương L](#) hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân chị [Thái Thị Phương L](#). Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của chị [Thái Thị Phương L](#) đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh [Lê Mạnh T](#) nhưng chị [L](#) đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt và không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị. Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho chị [L](#) trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 29/4, 30/4, 1/5/2025 nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa án định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 16/6/2025, lần 2 vào ngày 30/6/2025 tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng chị [L](#) vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Anh [Lê Mạnh T](#) vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh [T](#), chị [L](#) theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh [Lê Mạnh T](#) và chị [Thái Thị Phương L](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh [T](#) và chị [L](#) là hợp pháp. Theo lời khai của anh [T](#), vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, lối sống và suy nghĩ khác xa nhau, do khoảng cách địa lý mỗi người một nơi nên thường xuyên nghi ngờ, thiếu sự tin tưởng quan tâm nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi vã. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh [T](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị [L](#). Hội đồng xét xử xét thấy: Hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, anh [T](#) và chị [L](#) không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn càng tăng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh [Lê Mạnh T](#).

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Thái B](#), sinh ngày 18/9/2012. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu [Thái B](#) hiện đang sống cùng chị [L](#) tại [CHLB Đ](#), vợ chồng thống nhất sau ly hôn giao con chung cho chị [L](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu [Thái B](#) cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, cần giao con chung [Thái B](#), sinh ngày 18/9/2012 cho chị [Thái Thị Phương L](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét. Anh [Lê Mạnh T](#) có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh [Lê Mạnh T](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh [Lê Mạnh T](#), xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh [Lê Mạnh T](#) ly hôn với chị [Thái Thị Phương L](#).

2. Về con chung: Giao con chung là Thái B, sinh ngày 18/9/2012 cho chị Thái Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Lê Mạnh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí số 000002896538 ngày 11/02/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Đậu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng